

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 328/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2024.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên
Bà Dương Thị Kim Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hồng Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 230/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 370/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 269/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Y**, sinh năm 1989,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Campuchia.

Người được chị Y ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng: Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số nhà G phố Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1985,

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Chị Y, anh H và anh C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/12/2013 và được tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị đã đi xuất cảnh lao động ở nước ngoài, còn anh C lao động tự do ở nhà. Thời gian đầu tuy cuộc sống gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn hạnh phúc, tuy nhiên chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có sự chia sẻ, thường xuyên cãi nhau. Đặc biệt trong thời gian gần đây, trong lúc xảy ra mâu thuẫn chị và anh C đã xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm lẫn nhau, làm ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe và công việc khiến tình cảm rạn nứt trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C để chị sớm ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 18/6/2016 hiện đang ở với anh C. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục giao con chung cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục để đảm bảo ổn định về tâm lý, nơi ở và học tập của cháu. Về cấp dưỡng: Chị và anh C tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Anh C nhiều lần được Tòa án yêu cầu lên làm việc, trình bày quan điểm nhưng anh không đến Tòa án.

Do không gặp được anh C vì anh C đi làm vắng nhà nên Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình anh C. Bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ của anh C) trình bày: Anh C đã nhận được thông báo của Tòa án về việc thụ lý vụ án Hôn nhân và gia đình, biết được chị Y yêu cầu giải quyết ly hôn, do anh C bận công việc công ty không nghỉ được nên mặc dù Tòa án yêu cầu anh C lên Tòa án làm việc nhiều lần nhưng anh C không lên được.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh C kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc bình thường. Sau đó đến khoảng năm 2020, chị Y đi lao động ở nước ngoài. Suốt quá trình chị Y đi lao động nước ngoài anh chị không có mâu thuẫn gì, chỉ đến gần đây khi chị Y về nước, anh C khuyên chị Y ở nhà không đi nữa nhưng chị Y không nghe vẫn muốn đi, vấn đề vợ chồng chỉ có vậy chứ không có mâu thuẫn gì nhiều. Quan điểm của anh C là anh không đồng ý ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn. Về con chung: Anh C và chị Y có 01 con chung là Nguyễn Trà M. Cháu M hiện đang sống cùng anh C và bà tại gia đình, hiện nay cháu sức khỏe tốt, học hành bình thường. Trường hợp vợ chồng bắt buộc ly hôn thì cháu M là cháu nội nên bà và anh C sẽ nuôi dưỡng cháu không để cho chị Y nuôi. Anh C là người chăm chỉ thường xuyên đi làm có công ăn việc làm ổn định.

Quan điểm của con chung: Cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 18/6/2016 trình bày có nguyện vọng được bố nuôi dưỡng, nếu bố mẹ không ở với nhau.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Y vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh C được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 58 Điều 81, 82, 83 Luật HN&GD năm 2014, Điều 147 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận xử cho chị Lê Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 18/6/2016 cho anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: tự thỏa thuận không xem xét giải quyết

- Về án phí: Chị Lê Thị Y phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (chị Y đã nộp).

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Lê Thị Y khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn C. Chị Y hiện nay đang sinh sống và lao động tại Campuchia, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Chị Y vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xử vắng mặt; anh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa những vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Y và anh C.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Y và anh Nguyễn Văn C tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương

vào ngày 24/12/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị Y đã đi xuất cảnh lao động ở nước ngoài, còn anh C lao động tự do ở nhà. Chị Y trình bày vợ chồng có mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có sự chia sẻ, thường xuyên lời qua tiếng lại và thiếu tôn trọng nhau. Đặc biệt trong thời gian gần đây, trong lúc xảy ra mâu thuẫn chị Y và anh C đã xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm lẫn nhau, làm ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe và công việc khiến tình cảm rạn nứt trầm trọng. Anh C không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, tuy nhiên, anh được Tòa án báo gọi làm việc nhiều lần, tổ chức phiên hòa giải nhưng anh đều vắng mặt và cũng không có bất cứ quan điểm trình bày bằng văn bản gửi đến Tòa án. Mẹ đẻ của anh C thừa nhận vợ chồng anh bất đồng quan điểm về việc chị Y đi lao động ở nước ngoài. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định giữa anh C và chị Y có mâu thuẫn xuất phát từ bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đặc biệt trong quyết định đi lao động nước ngoài của chị Y trong thời gian gần đây. Mặc dù có mâu thuẫn, nhưng cả 2 bên đều không có biện pháp giải quyết, khắc phục, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, chị Y yêu cầu ly hôn, còn về phía anh C tuy cho rằng không muốn ly hôn, song không có bất cứ hành động nào thể hiện mong muốn đoàn tụ, khắc phục mâu thuẫn, không có ý kiến trực tiếp trình bày bằng văn bản với Tòa án, không đến tham gia phiên hòa giải, phiên tòa. Như vậy đủ căn cứ để khẳng định, mâu thuẫn giữa chị Y và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị Y được ly hôn anh C theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Y và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 18/6/2016 hiện nay đang ở với anh C. Khi ly hôn, chị Y có yêu cầu tiếp tục giao con chung cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục để đảm bảo ổn định về tâm lý, nơi ở và học tập của cháu. Xét thấy, hiện nay cháu M đang sinh sống và học tập ổn định cùng anh C và bà nội, cháu M cũng có nguyện vọng được ở với bố nên chấp nhận đề nghị về việc nuôi con chung này của chị Y, đảm bảo cho con chung có được sự chăm sóc tốt nhất.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không có bất cứ ý kiến nào bằng văn bản trình bày về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do Tòa án giao con cho anh C nuôi dưỡng, nên chị Y có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy anh C cũng có việc làm ổn định, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, buộc chị Y cấp dưỡng hàng tháng với mức tiền bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu vùng huyện N (vùng III, theo Nghị định 38/2022/NĐ-CP là 3.640.000 đồng), tức là bằng 1.820.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Lê Thị Y được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Y là nguyên đơn, có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng theo quy định

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 18/6/2016 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho anh C là 1.820.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Chị Lê Thị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0000658 ngày 03/5/2024. Chị Y còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Nam Tân, huyện Nam Sách
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường